

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC NĂM 2024

(Dự toán trình Hội đồng nhân dân)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	CHỈ TIÊU	Dự toán chi NS cấp tỉnh năm 2024
A	Tổng chi ngân sách cấp tỉnh quản lý (A1+A2)	12.128.700
A1	Chi cân đối ngân sách cấp tỉnh (I+II+III+IV+V+VI+VII)	8.834.283
I	Chi đầu tư phát triển	2.759.629
1	Chi ĐT XDCB từ nguồn TW cân đối vốn trong nước	913.129
2	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	1.624.500
	- Chi thực hiện dự án đo đạc, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất	297.600
	- Bổ sung Quỹ phát triển đất	148.800
	- Chi đầu tư các dự án, công trình	1.059.100
	- Chi hoàn trả vốn ứng, phí ứng vốn	119.000
3	Chi đầu tư từ nguồn thu XSKT	140.000
4	Chi đầu tư từ nguồn tiền bán nhà	18.000
5	Chi đầu tư từ nguồn bội chi NSDP	34.000
6	Chi ủy thác sang Ngân hàng CSXH	30.000
II	Chi thường xuyên	3.527.912
1	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	27.672
2	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo, dạy nghề	1.139.210
3	Chi sự nghiệp y tế và dân số KHHGD	836.746
4	QLHC - Đảng - Đoàn thể	643.866
5	Chi sự nghiệp văn hoá - thông tin	91.426
6	Chi sự nghiệp phát thanh truyền hình	51.645
7	Chi sự nghiệp Thể dục - Thể thao	65.685
8	Chi bảo đảm xã hội.	107.188
9	Chi quốc phòng địa phương	121.459
10	Chi an ninh địa phương	38.567
11	Chi sự nghiệp kinh tế.	281.548
12	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	72.474
13	Chi hỗ trợ tiền tết cho CBCS và đối tượng chính sách	30.000
14	Chi khác ngân sách	20.426
III	Chi bổ sung Quỹ dự trữ tài chính	1.440
IV	Chi trả lãi	1.500
V	Chi tạo nguồn cải cách tiền lương	130.000
VI	Chi BS từ ngân sách tỉnh để thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ	2.207.367
VII	Dự phòng ngân sách	206.435
A2	Chi thực hiện một số mục tiêu, nhiệm vụ từ nguồn TW BSMT	3.294.417
1	Bổ sung vốn đầu tư để thực hiện các chương trình MTNV	1.202.380
2	Bổ sung vốn sự nghiệp để thực hiện các chế độ, nhiệm vụ, chính sách theo quy định	589.249
3	Bổ sung kinh phí thực hiện 03 chương trình mục tiêu quốc gia	1.502.788
a	Chương trình MTQG Phát triển KTXH vùng đồng bào DTTS và MN	881.367
	- Vốn đầu tư phát triển	581.336
	- Kinh phí thường xuyên	300.031
b	Chương trình MTQG Giảm nghèo bền vững	412.578
	- Vốn đầu tư phát triển	167.505
	- Kinh phí thường xuyên	245.073
c	Chương trình MTQG Xây dựng nông thôn mới	208.843
	- Vốn đầu tư phát triển	164.515
	- Kinh phí thường xuyên	44.328
B	Chi từ nguồn viện trợ không hoàn lại của nước ngoài	45.374
C	Ghi chi tiền thuê đất, thuê mặt nước, tiền sử dụng đất để chi bồi thường, GPMB.	20.000
	Trong đó:	
	- Dự án Công trình Thủy điện Sêrêpôk 4A của Công ty Cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	2.900
	- Dự án Khu liên hợp Nông - Công nghiệp xanh Phước Thành Tây Nguyên của Công ty Cổ phần Đầu tư Xuất nhập khẩu Phước Thành	11.000